

KẾ HOẠCH

Thu - chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, chăm sóc học sinh năm học 2023 – 2024

Kính gửi: Phòng GDĐT huyện Phú Giáo
HĐND – UBND xã Phước Hoà

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Căn cứ Hương dẫn 01/HD-GDĐT-LĐT BXH-BHXH ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về hướng dẫn liên ngành thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024; Căn cứ công văn 314/PGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Phú Giáo; Căn cứ hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo; Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu chi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2023 – 2024; Căn cứ thống nhất của Hội đồng sư phạm trường về các nội dung thu - chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, chăm sóc học sinh năm học 2023 – 2024 tại phiên họp Hội đồng sư phạm ngày 11/9/2023; Căn cứ thỏa thuận, thống nhất của Phụ huynh học sinh tại phiên họp phụ huynh học sinh các lớp đầu năm ngày 13/9/2023 và phiên họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường ngày 13/9/2023, trường TH Phước Hoà B xây dựng kế hoạch dự toán thu - chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, chăm sóc học sinh năm học 2023 – 2024 như sau:

1. Bảo hiểm y tế

a) Mức thu:

Theo Hương dẫn 01/HD-GDĐT-LĐT BXH-BHXH ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về hướng dẫn liên ngành thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

Mức đóng BHYT bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 30%, học sinh đóng 70%. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài chế độ hỗ trợ của Trung ương) theo điểm b, khoản 2, điều 1 của Nghị quyết 15/2022/NQ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bình Dương quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2023-2025. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn phải

được xác nhận của địa phương và của PGDDT huyện Phú Giáo (Theo công văn 141/PGDDT ngày 10/5/2023)

- Đối với học sinh lớp 1 đóng 15 tháng (Từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2024)
- Đối với học sinh lớp 2, 3, 4, 5 đóng 12 tháng (Từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024)
- Số tiền đóng/1tháng của 1 HS = $1.800.000 \times 4.5\% \times 70\% = 56.700$ đồng
- Số tiền đóng/1tháng của 1 HS diện khó khăn = $1.800.000 \times 4.5\% \times 50\% = 40.500$ đồng

Đối tượng	Số tháng đóng	Tổng số tiền đóng đối HS bình thường	Số tiền đóng đối với HS kk
Học sinh lớp 1 sinh từ tháng 01/2017 đến ngày 01/10/2017	15	850.500đ	607.500đ
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/10/2017-01/11/2017	14	793.800đ	567.000đ
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/11/2017-01/12/2017	13	737.100đ	526.500đ
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/12/2017 trở đi Học sinh lớp 2, 3, 4, 5	12	680.400đ	486.000đ

b) Chi:

Đóng 100% cho cơ quan bảo hiểm theo số tiền thực thu theo quy định về mức thu BHYT của Hướng dẫn 01/HD-GDDT-LĐTBXH-BHXXH ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

Số tiền được trích thực hiện chi theo quy định tại Hướng dẫn 01/HD-GDDT-LĐTBXH-BHXXH ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

2. Các khoản thu và mức thu - chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (Theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 19/5/2023)

2.1. Thu tiền dạy buổi 2:

a) Định mức thu: 4000đồng/tiết

Quy định số tiết học buổi 2 các khối lớp:

Khối lớp	Số tiết/tuần
Lớp 1 (Tuần 1-9)	10
Lớp 1 (Tuần 10-36)	8
Lớp 2	7
Lớp 3	7
Lớp 4	5
Lớp 5	9

Dự kiến số tiền thu hàng tháng như sau.

	Số tuần/tháng	Số tiền Lớp 1	Số tiền Lớp 2	Số tiền Lớp 3	Số tiền Lớp 4	Số tiền Lớp 5
Tháng 9	4 tuần (05/9-29/9)	160,000	112,000	112,000	80,000	144,000
Tháng 10	4 tuần (02/10-27/10)	160,000	112,000	112,000	80,000	144,000
Tháng 11	5 tuần (30/10-01/12)	168,000	140,000	140,000	100,000	180,000
Tháng 12	4 tuần (04/12-29/12)	128,000	112,000	112,000	80,000	144,000
Tháng 01	5 tuần (02/01-02/02)	160,000	140,000	140,000	100,000	180,000
HK1	22 tuần	776,000	616,000	616,000	440,000	792,000
Tháng 02	2,5 tuần (05, 06 và 19/02-01/3)	80,000	70,000	70,000	50,000	90,000
Tháng 3	4 tuần (04/3-29/3)	128,000	112,000	112,000	80,000	144,000
Tháng 4	4 tuần (01/5-26/5)	128,000	112,000	112,000	80,000	144,000
Tháng 5	3,5 tuần (02/5-27/5)	112,000	98,000	98,000	70,000	126,000
HK2	14 tuần	448,000	392,000	392,000	280,000	504,000
	36 tuần	1,224,000	1,008,000	1,008,000	720,000	1,296,000

b) Định mức chi

- Chi giáo viên giảng dạy: 80% tổng số tiền thu.
- Chi sửa chữa cơ sở vật chất, hoạt động dạy học: 10% tổng số tiền thu
- Chi cho công tác quản lí: 10%.

(HT: 2.1 %; PHT: 2.1%; KT: 1.5%; TQ: 1.3%; Y tế: 0.6%; TVTB: 0.6%; Bảo vệ: 0,5%/người; Phục vụ: 0,3%)

2.2. Thu tiền ăn bán trú:

a) Mức thu: 28.000đ/em/ngày (theo thực tế ngày ăn)

b) Mức chi:

- Mua thực phẩm ăn trưa khoảng: 21.000đ/em/ngày
- Mua thực phẩm ăn xế khoảng: 7.000đ/em/ngày

2.3. Phục vụ bán trú:

a) Mức thu: 145.000đ/em/tháng

b) Chi:

- (1) Chi hợp đồng nhân viên nấu ăn
- (2) Chi cho giáo viên làm bảo mẫu
- (3) Chi quản lý bán trú
- (4) Chi mua chất đốt (gas)
- (5) Chi mua chất tẩy rửa

Cụ thể định mức dự kiến chi

	Nội dung	Định mức (%)	Mức chi/hs/tháng	Số HS dự kiến	Tổng chi/tháng
		100.0	145,000		
1	Công cấp dưỡng	38.0	55,100	530	29,203,000
2	Giáo viên làm bảo mẫu	36.55	53,000	530	28,090,000
3	Quản lý	7.24	10,500	530	5,565,000
4	Gas	16.55	24,000	530	12,720,000
5	Mua nước rửa chén; cước, lưới rửa chén,...	1.66	2,400	530	1,272,000

Định mức chi tiền công cấp dưỡng như sau:

CÔNG CẤP DƯỠNG	Tiền lương cố định hàng tháng	
Bếp trưởng	6,269,400	Lương vùng Bạc 3 + 21,5% BH
Cấp dưỡng	5,686,200	Tối thiểu vùng B1 + 21,5% BH
Cấp dưỡng	5,686,200	Tối thiểu vùng B1 + 21,5% BH
Cấp dưỡng	5,686,200	Tối thiểu vùng B1 + 21,5% BH
Cấp dưỡng	5,686,200	Tối thiểu vùng B1 + 21,5% BH
Tổng	29,203,000	

Định mức chi công tác quản lý: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng 19%/tổng thu/người x 2 người; Kế toán: 14%/tổng thu; Thủ quỹ: 12%/tổng thu; Y tế, vệ sinh, bảo vệ: 6%/tổng thu/người x 6 người

Các khoản chi tại mục 2.3 (Khoản thu phục vụ bán trú) này sẽ điều chỉnh cân đối theo thực tế hàng tháng sao cho đảm bảo thu đủ - chi đủ.

Trường hợp số lượng học sinh ăn bán trú giảm so với dự kiến dẫn đến tiền thu không đủ chi theo các định mức trên thì giảm định mức chi cho mục (2); (3) để giảm bảo thu đủ, chi đủ.

2.4. Vệ sinh trường lớp

a) Mức thu: 11.000đ/hs/tháng x 9 tháng

b) Mức chi:

- Trả tiền thuê 01 nhân viên vệ sinh: 5.686.000đồng/tháng

- Mua dụng cụ vệ sinh, chất tẩy rửa: số tiền còn lại sau khi trả lương nhân viên vệ sinh. Cụ thể dự toán thu - chi như sau:

Số tiền/tháng/hs	Số học sinh	Số tiền/tháng	Số tiền 1 năm (9 tháng)
* Thu:			
11,000	700	7,700,000	69,300,000
* Chi			
1. Trả lương 01 nhân viên		5,686,200	51,175,800
2. Mua chất tẩy rửa hàng tháng cho bếp ăn, nhà vệ sinh học sinh (Nước lau sàn, vìm tẩy, xà phòng rửa tay, xà phòng tẩy, ...)		1,500,000	13,500,000
3. Mua đồ dùng vệ sinh cả năm làm vệ cho nhà bếp, vệ sinh cho nhà vệ sinh học sinh (Chổi cọ, chổi quét sân, chổi quét máng nhận, cây lau nhà, cây chà nền, quét nước, bao tay, ...)			4,624,200

3. Chế độ miễn, giảm

Thực hiện theo Khoản 6, điều 1 của Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương. Cụ thể:

- Học sinh được miễn các khoản thu tiền học buổi 2, tiền vệ sinh đối với học sinh thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ; đối tượng thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; học sinh bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

- Học sinh được giảm 50% các khoản thu tiền học buổi 2, tiền vệ sinh đối với học sinh thuộc đối tượng hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con của CB, CC, VC, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

4. Thu các hoạt động phục vụ giáo dục theo nhu cầu

a) Nguyên tắc: Tự nguyện theo nhu cầu đăng ký

b) Các nội dung hoạt động giáo dục theo nhu cầu

* Dự kiến thực hiện các hoạt động giáo dục theo nhu cầu từ tháng 10, gồm:

- Dạy học tiếng Anh liên kết với 100% giáo viên nước ngoài: 2 tiết/tuần (Liên kết với TT ngoại ngữ H123)

- Tổ chức chương trình hoạt động giáo dục STEM: 1 tiết/tuần (Liên kết với Công ty tổ chức GD GAIA tổ chức)

- Tổ chức dạy năng khiếu bóng đá do giáo viên trường thực hiện (90 phút/buổi x 2 buổi/tuần)

(Nhà trường sẽ có kế hoạch trình PGDĐT duyệt trước khi tổ chức)

c) Dự kiến thu – chi như sau:

* Dạy học tiếng Anh liên kết với trung tâm ngoại ngữ (100% giáo viên nước ngoài): 2 tiết/tuần.

+ Thu: học phí 210.000đ/hs/tháng (Trung tâm tự thu)

+ Chi: Trung tâm trích lại cho nhà trường 25.000đ/hs/tháng. Trong đó, Chi cho GVCN trong công tác phối hợp: 5000đ/hs/tháng; chi công tác quản lý: 17.500đ/hs/tháng; chi CSVC: 2.500đ/hs/tháng.

* **Tổ chức chương trình hoạt động giáo dục STEM:** 1 tiết/tuần (Liên kết với Công ty tổ chức)

+ Thu: Học phí 80.000đ/hs/tháng (Công ty tự thu).

+ Chi: Trung tâm trích lại cho nhà trường 6000đ/hs/tháng; chi cho công tác quản lý: 4000đ/tháng và CSVC: 2000đ/hs/tháng.

* **Đạy năng khiếu bóng đá:** 2 buổi/tuần x 90 phút/buổi.

+ Thu: Học phí: 300.000đ/hs/tháng

+ Chi: Chi GV dạy trực tiếp: 80%; chi CSVC: 10%; Chi công tác quản lý: 10%.

5. Quy định hình thức thu

- Thu theo năm đối với khoản thu BHYT

- Các khoản còn lại thu theo từng tháng. Có thể thu theo học kỳ, năm đối với khoản tiền học buổi 2, tiền vệ sinh nếu Phụ huynh có nhu cầu đóng học kỳ, năm.

- Phụ huynh học sinh đóng tiền bằng hình thức chuyển qua địa chỉ <https://binhduong.quanlygiaoduc.vn/> hoặc chuyển khoản tiền qua các Ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại như: Agirbank mobile banking, BIDV Smart Banking, Sacombank mBanking, Abbank mobile, Vietin Bank Ipay, VCB Digibank.... (không sử dụng tiền mặt)

- Riêng các khoản tiền thu phục vụ giáo dục theo nhu cầu tại mục 4, học sinh đóng trực tiếp cho đơn vị liên kết.

Trên đây là kế hoạch dự kiến thu - chi các cho các hoạt động giáo dục từ kinh phí ngoài ngân sách của trường TH Phước Hoà B năm học 2023 – 2024.

Nơi nhận:

- PGDDT;
- HĐND xã;
- Ban ĐDCMHS;
- Lưu: VT.

TM. BĐDCMHS
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trung Văn



Trần Thị Minh Huệ